TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2023/DS-ST
Ngày 28-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí.

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023,Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đàng Thanh P, sinh năm: 1995; địa chỉ: Đường E, Phường F, quận G, Thành phố H, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 220713-4-CEA ngày 13/7/2022) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mai Q, sinh năm: 1979; địa chỉ: Đường I, Phường K, quận L, Thành phố M (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/12/2020, ông Nguyễn Mai Q đã ký hợp đồng tín dụng số 2W019474498 với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H (Viết tắt là Công ty H), vay số tiền 44.000.000 đồng với lãi suất thực tế là 2.83%/tháng (Lãi suất 34%/năm), mục đích mua xe nhãn hiệu Honda Air

Blade, biển số 59V3-435.44, số khung 4102LZ479521, số máy KF41E0076944. Theo hợp đồng ông Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 53.324.639 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi trong thời hạn 15 tháng vào ngày 12 hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 3.836.774 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 12/01/2021, kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 12/3/2022.

Từ khi vay, ông Q chưa thanh toán cho công ty H bất kỳ khoản thanh toán nào, công ty H đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Mai Q phải thanh toán một lần ngày khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền còn nợ tính ngày 13/7/2022 là 53.324.639 đồng (Trong đó, tiền gốc là 44.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/5/2021 là 6.074.658 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2022 là 3.249.981 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Mai Q còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử cũng như không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với tài sản thế chấp là chiếc xe biển số 59V3-435.44, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, số máy KF41E0076944, số khung 4102LZ479521.

Bị đơn là ông Nguyễn Mai Q đã vắng mặt trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Gò Vấp tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H, buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Mai Q đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 31/7/2023 và ngày 28/8/2023) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Mai Q phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính ngày 13/7/2022 là 53.324.639 đồng (Trong đó, tiền gốc là 44.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/5/2021 là 6.074.658 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2022 là 3.249.981 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 2W019474498 ngày 17/12/2020 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Nguyễn Mai Q đã vay của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền là 44.000.000 đồng với mục đích mục đích mua xe. Theo hợp đồng bị đơn có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 53.324.639 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi trong thời hạn 15 tháng vào ngày 12 hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 3.836.774 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 12/01/2021, kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 12/3/2022.

Sau khi nhận nợ đến nay, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản thanh toán nào. Bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số nợ gốc theo quy định của Hợp đồng cho vay là phù hợp.

Xem xét căn cứ tính lãi, mức lãi suất, thời gian tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với thỏa thuận của các bên về nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá

hạn tại hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử nên HĐXX không xem xét.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/7/2022 là 53.324.639 đồng (Trong đó, tiền gốc là 44.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/5/2021 là 6.074.658 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2022 là 3.249.981 đồng).

[3.1.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015". Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

[3.1.3] Xét yêu cầu đối với biện pháp bảo đảm

Xét, mặc dù Tòa án đã giải thích rõ về việc hợp đồng thế chấp số: 2W019474498 ngày 17/12/2020 là một phần không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng số 2W019474498 ngày 17/12/2020 và giải thích hậu quả pháp lý của việc không yêu cầu giải quyết đối hợp đồng thế chấp số: 2W019474498 ngày 17/12/2020. Nguyên đơn cũng đã hiểu rõ hậu quả pháp lý của việc không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp số: 2W019474498 ngày 17/12/2020 và xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu mà không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp và không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với tài sản thế chấp

là chiếc xe biển số 59V3-435.44, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, số máy KF41E0076944, số khung 4102LZ479521 như đã nêu trên và cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.2] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Xét, ông Nguyễn Mai Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật và để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 2.666.232 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 466; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Mai Q phải trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/7/2022 là 53.324.639 đồng (Trong đó, tiền gốc là 44.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/5/2021 là 6.074.658 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2022 là 3.249.981 đồng).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Mai Q phải chịu 2.666.232 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Trả lại cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H 1.333.116 (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn một trăm mười sáu) đồng số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2022/0012966 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuyết Mai